

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 11/LĐTBXH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 1991

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số chính

sách, chế độ đối với người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài về nước

Căn cứ Nghị quyết số 362/CP ngày 29-11-1980 của Hội đồng Chính phủ (nay là Hội đồng Bộ trưởng); căn cứ các Hiệp định, Nghị định thư về hợp tác lao động đã ký giữa nước ta với nước ngoài từ năm 1990 trở về trước sau khi thống nhất với Bộ Tài chính tại công văn số 305/TC-HCVX ngày 15-3-1991; công văn số 1405/TC-HCVX ngày 2-10-1991 và với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tại công văn số 125-TLĐ ngày 20-2-1991, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giải quyết một số chính sách, chế độ đối với người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài đã về nước như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THI HÀNH

1. Thông tư này áp dụng cho những người là công nhân, viên chức, quân nhân, công an nhân dân, học sinh các trường đào tạo và các đối tượng khác đi lao động ở nước ngoài kể cả cán bộ phụ trách đơn vị, phiên dịch, cán bộ làm công tác quản lý do nước ngoài trả lương đã về nước, chưa được giải quyết chế độ như quy định trong Thông tư này.

2. Những đối tượng sau đây không thuộc diện áp dụng của thông tư này.

a) Những người về nước trước thời hạn do các nguyên nhân:

Vi phạm hợp đồng lao động, các quy định quản lý lao động ở nước ngoài của Nhà nước ta bị kỷ luật buộc phải về nước

Vi phạm pháp luật bị nước ngoài trục xuất về nước

Tự ý bỏ việc ở nước ngoài về nước hoặc về nước nghỉ phép rồi tự ý ở lại không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

- b) Những người có quyết định về nước, nhưng tự ý ở lại nước ngoài một thời gian mà không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Những người tự ý bỏ việc sang nước thứ ba (kể cả những người bỏ việc sang Tây Berlin và Cộng hòa Liên bang Đức trước ngày 3-10-1990)

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thời gian công tác:

- a) Thời gian làm việc ở nước ngoài được tính là thời gian công tác để giải quyết các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà nước ta. Trường hợp một người có nhiều lần đi lao động ở nước ngoài thì thời gian làm việc được tính cộng lại.
- b) Kể từ ngày về nước, nếu phải chờ bố trí công tác, hoặc tự tìm việc làm, hoặc chờ giải quyết chế độ chính sách thì thời gian chờ cũng được tính nhưng không quá 90 ngày (3 tháng). Thời gian chờ không hưởng lương.
- c) Thời gian làm việc ở nước ngoài được cộng với thời gian làm việc ở trong nước để tính thời gian công tác. Nếu đối tượng trước khi đi lao động ở nước ngoài đã hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp phục viên, xuất ngũ thì thời gian đã hưởng trợ cấp thôi không được tính.
- d) Đối với số học sinh học nghề, thực tập sinh sản xuất, vừa học vừa làm chuyển sang hợp tác lao động theo Hiệp định Chính phủ thì thời gian làm việc ở nước ngoài được tính từ ngày chuyển sang hợp tác lao động đến khi về nước kết thúc hợp đồng.

2. Tiếp nhận và giải quyết việc làm:

- a) Người đi lao động ở nước ngoài bao gồm các đối tượng quy định tại mục I của thông tư này được chuyển trả về cơ quan, đơn vị đã cử đi để làm các thủ tục nhập khẩu tại nơi thường trú trước khi đi. Cơ quan đơn vị cũ có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động được nhập khẩu theo đề nghị của đương sự phù hợp với chính sách quản lý hộ khẩu hiện hành.
- b) Người đi lao động ở nước ngoài về nước được chuyển trả về cơ quan, đơn vị đã cử đi để tiếp nhận, bố trí việc làm nếu có nhu cầu. Nếu cơ quan, đơn vị cũ đã giải thể thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp điều chuyển hoặc giới thiệu để họ đến làm việc ở cơ quan khác. Trường

hợp không sắp xếp được việc làm thì tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự tìm việc làm.

c) Những người trước khi đi lao động ở nước ngoài đã giải quyết các chế độ thôi việc, phục viên, xuất ngũ và những người chưa phải là công nhân, viên chức Nhà nước thì khi về nước được cơ quan, xí nghiệp, đơn vị, địa phương tạo điều kiện để người lao động tự tìm việc làm.

3. Chế độ thôi việc:

a) Người đi lao động ở nước ngoài về nước nếu quá 3 tháng không giải quyết được việc làm và không đủ các điều kiện để hưởng các chế độ nói ở điểm 4 dưới đây thì được giải quyết thôi việc.

b) Thời gian tính trợ cấp và mức trợ cấp thôi việc như sau:

Thời gian tính trợ cấp thôi việc theo quy định tại điểm 1 mục II trên.

Mức độ cấp thôi việc: cứ 1 năm công tác được trợ cấp 1 tháng lương cấp bậc hoặc lương chức vụ và phụ cấp thâm niên khu vực (nếu có).

c) Những người đã được phía sử dụng lao động đền bù do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đó không được tính để hưởng chế độ trợ cấp thôi việc, nhưng vẫn được tính để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

4. Chế độ hưu trí:

Người đi lao động ở nước ngoài về nước là công nhân viên chức nếu không tiếp tục công tác và có đủ các điều kiện theo những quy định hiện hành thì được giải quyết chế độ hưu trí.

5. Trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

a) Những người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp trong thời gian làm việc ở nước ngoài về nước, nếu thương tật đã ổn định thì được Hội đồng giám định y khoa khám xác định thương tật; nếu thương tật ổn định cần điều trị tiếp thì được cơ quan, đơn vị tổ chức đưa người đi lao động giải quyết cho điều trị đến khi ổn định như chế độ đối với công nhân viên chức ở trong nước.

Sau khi Hội đồng giám định y khoa của Việt Nam xác định lại khả năng lao động, được xếp hạng thương tật, không tiếp tục công tác thì được hưởng mọi chế độ như công nhân viên chức ở trong nước quy định tại Quyết định số 133-HĐBT ngày 1 tháng 11 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư số 77-TT-TCD ngày 10-12-1986 của Tổng Công đoàn Việt Nam và

Thông tư Liên Bộ số 31-TT-LB ngày 10-2-1987 của Tổng Công đoàn Việt Nam và Bộ Thương binh xã hội.

b) Những người bị tai nạn lao động, bị bệnh nghề nghiệp ở nước ngoài, nếu nước sử dụng lao động đã trả trợ cấp hàng tháng thì không hưởng trợ cấp hàng tháng như đối với công nhân viên chức ở trong nước, nhưng phải đăng ký với Sở lao động - Thương binh xã hội nơi cư trú để quản lý và thực hiện những chế độ khác (nếu có).

c) Những người lao động bị ốm đau, tai nạn rủi ro ở nước ngoài về nước, nếu phải đưa ngay vào bệnh viện, thì cơ quan, đơn vị tổ chức đưa người đi lao động ở nước ngoài giải quyết cho điều trị theo quy định như đối với công nhân viên chức trong nước.

6. Chi phí chôn cất và trợ cấp mất người nuôi dưỡng

a) Chi phí chôn cất:

Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, nếu người lao động bị chết do ốm đau, tai nạn (kể cả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) thì gia đình được cấp tiền chi phí cho tang lễ như đối với công nhân viên chức ở trong nước chết.

b) Trợ cấp vì mất người nuôi dưỡng:

Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, những người lao động bị chết do tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp mà nước sử dụng lao động chưa giải quyết trợ cấp nuôi dưỡng cho gia đình người chết thì ngoài tiền chi phí cho tang lễ nói ở đoạn a điểm 6 trên, thân nhân của người chết còn được trợ cấp một lần (nếu có đủ điều kiện). - Những người trước khi đi lao động ở nước ngoài là công nhân, viên chức hoặc quân nhân (kể cả công an nhân dân) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp phục viên, xuất ngũ nếu bị chết do ốm đau hoặc do tai nạn rủi ro ở nước ngoài mà nước sử dụng lao động chưa giải quyết trợ cấp thì ngoài chi phí cho tang lễ, thân nhân của người chết còn được hưởng trợ cấp một lần và những người thân nhân chủ yếu của người chết (nếu có đủ điều kiện) còn được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng như chế độ đối với thân nhân của công nhân, viên chức ở trong nước.

7. Tiền lương để tính trợ cấp.

a) Những người đi lao động ở nước ngoài về nước nguyên là cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, lực lượng vũ trang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí thì lấy mức lương hoặc sinh